

TCT CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CP CN-TM HỮU NGHỊ
Số: 06./QĐ-HĐQT.2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng của thành viên Hội đồng,
Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CN – TM HỮU NGHỊ

Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ/UB ngày 03/6/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xe & Máy thành Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/BB-HĐQT.2026 ngày 27/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế trả lương, trả thưởng của thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các Phòng Ban chức năng Công ty căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Tô Thiên Tân

M.S.D.N: 0300743384
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP
HỮU NGHỊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUY CHẾ
TRẢ LƯƠNG, TRẢ THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT, ngày 03 tháng 4 năm 2026
của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị)

CHƯƠNG 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị (sau đây gọi là Công ty Hữu Nghị).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (sau đây gọi chung là Thành viên hội đồng) làm việc chuyên trách; Thành viên Hội đồng quản trị làm việc không chuyên trách.

2. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát (sau đây gọi chung là Kiểm soát viên) làm việc chuyên trách và không chuyên trách.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp (Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV, sau đây gọi là Tổng Công ty), Kiểm soát viên, người đại diện vốn chuyên trách được xếp lương theo bảng lương của Công ty Hữu Nghị xây dựng, ban hành làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động và hưởng tiền lương, tiền thưởng do Công ty Hữu Nghị chi trả;

2. Người đại diện Tổng Công ty, Kiểm soát viên và người đại diện vốn không chuyên trách thì xếp lương, hưởng tiền lương, tiền thưởng do Tổng Công ty chi trả gắn với chức danh, công việc đảm nhận tại Tổng Công ty và hưởng thù lao do Công ty Hữu Nghị chi trả. Tiền lương của người đại diện Tổng Công ty, Kiểm soát viên, người đại diện vốn chuyên trách và thù lao của người đại diện Tổng Công ty, Kiểm soát viên, người đại diện vốn không chuyên trách do Công ty Hữu Nghị chi trả được tính trong quỹ tiền lương chung của Công ty Hữu Nghị.

3. Đối với người đại diện vốn đảm nhận chức danh là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty kiêm Tổng Giám đốc, theo quy định của pháp luật thì xác định tiền lương, tiền thưởng theo Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trong đó tiền lương được tăng thêm bằng 20% mức tiền lương của chức danh này; Thành viên hội đồng, đồng thời là thành viên

Ban điều hành thì xác định theo tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban điều hành và thù lao của Thành viên hội đồng không chuyên trách; Bản kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp thì xác định theo tiền lương, thù lao của Trưởng Ban kiểm soát;

4. Đối với người đại diện vốn đảm nhận chức danh không phải là Thành viên hội đồng thì người đại diện vốn chuyên trách hưởng mức tiền lương, tiền thưởng do Công ty chi trả được xác định theo chức danh người đại diện vốn đảm nhận tại Công ty.

CHƯƠNG 2

MỨC TIỀN LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY

Điều 4. Mức lương cơ bản

Mức lương cơ bản của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách được xác định theo chức danh công việc đảm nhận và các chỉ tiêu điều kiện cụ thể về vốn, doanh thu và lợi nhuận được quy định tại Điều 4 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2025 của Chính phủ, Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Hàng năm, Công ty căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch về vốn, doanh thu và lợi nhuận xác định mức lương cơ bản của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên.

Điều 5. Mức tiền lương tối đa

Mức tiền lương tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản và lợi nhuận thực hiện của Công ty.

1. Công ty có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.

2. Công ty không có lợi nhuận thì mức tiền lương tối đa bằng 70% mức lương cơ bản.

3. Công ty lỗ hoặc giảm lỗ thì mức tiền lương tối đa được xác định theo quy định sau:

a) Trường hợp lỗ thì mức tiền lương tối đa bằng 50% mức lương cơ bản;

b) Trường hợp giảm lỗ (kể cả không có lợi nhuận) thì căn cứ mức độ giảm lỗ so với kế hoạch để xác định mức tiền lương tối đa bằng 80% mức lương cơ bản;

c) Đối với trường hợp Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được cơ

quan đại diện chủ sở hữu cử thực hiện nhiệm vụ tại doanh nghiệp lỗ do đang thực hiện tái cơ cấu, xử lý tồn tại, lỗ kế hoạch thì mức tiền lương tối đa sau khi xác định theo điểm a hoặc điểm b khoản này, được tính thêm không quá 50% mức tiền lương tối đa đã xác định.

Điều 6. Mức thù lao tối đa

Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách.

Điều 7. Quyết định mức tiền lương, thù lao

1. Mức tiền lương, thù lao tối đa của Thành viên Hội đồng do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

2. Tổng Công ty cho ý kiến về mức tiền lương, thù lao cụ thể của Kiểm soát viên và thông báo để Công ty chi trả cho Kiểm soát viên.

CHƯƠNG 3 QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY

Điều 8. Tạm ứng tiền lương và thù lao trong năm

Căn cứ vào mức tiền lương cơ bản và mức thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt và nhằm tránh việc chi vượt quá mức tiền lương và mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên. Công ty thực hiện tạm ứng quỹ tiền lương, thù lao trong năm, cụ thể như sau:

1. Tạm ứng tiền lương, thù lao hàng tháng

a. Hàng tháng, Công ty tạm ứng cho Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên như sau:

Trường hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty có lợi nhuận và lợi nhuận kế hoạch cao hơn hoặc thấp hơn lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề thì Công ty tạm ứng với mức tiền lương (mức tiền lương kế hoạch) bằng 80% mức tiền lương cơ bản (tính theo tháng).

+ Mức lương tạm ứng (Mức tiền lương kế hoạch) hàng tháng = Mức tiền lương cơ bản theo quy định tại Điều 4 quy chế này/số tháng làm việc x 80%.

+ Mức thù lao tạm ứng (Mức thù lao kế hoạch) hàng tháng bằng 20% mức tiền lương tạm ứng.

Trường hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty lỗ thì Công ty tạm ứng với mức tiền lương (mức tiền lương kế hoạch) bằng 50% mức tiền lương cơ bản (tính theo tháng).

+ Mức lương tạm ứng (Mức tiền lương kế hoạch) hàng tháng = Mức tiền lương cơ bản theo quy định tại Điều 4 quy chế này/số tháng làm việc x 50%.

+ Mức thù lao tạm ứng (Mức thù lao kế hoạch) hàng tháng bằng 20% mức tiền lương tạm ứng.

b. Thời gian trả tiền lương, thù lao tạm ứng vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Trong trường hợp ngày trả lương, thù lao trùng với ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết theo quy định của Công ty thì sẽ trả lương, thù lao vào ngày làm việc gần nhất trước ngày nghỉ.

Điều 9. Quyết toán tiền lương, thù lao còn lại

Căn cứ kết quả Đại hội đồng cổ đông Công ty về phê duyệt mức tiền lương, thù lao tối đa của năm, Công ty quyết toán tiền lương, thù lao cho Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên, như sau:

1. Trường hợp tiền lương, thù lao tạm ứng đã chi thực tế theo quy định tại Điều 8 cao hơn mức tiền lương, thù lao tối đa do Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt: Công ty thu hồi lại phần tiền lương chi vượt trong năm trước ngày 30 tháng 6 năm sau liền kề.

2. Trường hợp tiền lương, thù lao tạm ứng đã chi thực tế theo quy định tại Điều 8 thấp hơn mức tiền lương, thù lao tối đa do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty sẽ tiếp tục chi phần tiền lương, thù lao còn lại chậm nhất trong tháng sau khi được phê duyệt.

CHƯƠNG 4

TIỀN THƯỞNG PHÂN PHỐI TIỀN THƯỞNG

Điều 10. Tiền thưởng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

1. Tiền thưởng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được xác định trong quỹ tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định.
2. Tiền thưởng cụ thể hằng năm của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên tối đa không vượt quá số tháng tiền lương của Công ty được trích để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại khoản 1 Điều này nhân với tỷ lệ phân bổ giữa quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo quy định và nhân với mức tiền lương bình quân thực hiện theo tháng được hưởng tại Công ty của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên.

Điều 11. Phân phối tiền thưởng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Căn cứ vào quỹ tiền thưởng quy định tại Điều 10, Công ty thưởng cho Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty và phân phối theo tỷ lệ mức lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên.

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều.

2. Trường hợp quy định pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định tại Quy chế này không còn phù hợp thì việc trả lương, thưởng của Thành viên Hội đồng và Kiểm soát viên thì Công ty sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề vướng mắc cần sửa đổi bổ sung, Hội đồng quản trị Công ty sẽ sửa đổi bổ sung và xin ý kiến Tổng Công ty xem xét và có ý kiến trước khi thực hiện./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tô Thiên Tân

